Đơn vị báo cáo: Trường Đại học Ngoại ngữ
Cơ quan quản lý: Đại học Quốc gia Hà Nội

SỐ LƯỢNG SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Thời điểm báo cáo: Ngày 15/11/2017

A.Số sinh viên tốt nghiệp

Đối tượng	Số sinh viên có mặt đầu khoá học	Số sinh viên có mặt cuối khoá học	Số sinh viên dự thi	Số sinh viên tốt nghiệp								
				Tổng số	Trong đó			Phân loại tốt nghiệp				
					Dân tộc thiểu số			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	Loại T.bình khá	Loại trung bình
					Nữ	Tổng số	Tr.đó:nữ					
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I. Tốt nghiệp năm học 2016-2017												
Tổng số:												
1. Hệ chính quy QH.2013	1408	1213	1213	890	832	43	38	52	357	458	0	23
Trong đó:												
- Chất lượng cao	127	81	81	40	37	0	0	19	19	2	0	0
- Đại trà chuẩn thông thường	1079	931	931	746	698	34	30	31	320	374	0	21
- Cử tuyển	4	3	3	3	3	2	2	0	0	3	0	0
- Văn bằng 2 Chính quy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Bằng kép (nhiều khóa)	198	198	198	101	94	7	6	2	18	79	0	2
2. Hệ DH VLVH (Tại chức cũ)	646	361	308	308	189	2	0	2	43	205	0	57
- Hệ VLVH	265	155	140	140	92	1	0	0	10	97	0	32
- Văn bằng 2 không CQ	381	206	168	168	97	1	0	2	33	108	0	25
- Liên thông (chuyên tu cũ)	0	0	0	0								
3. Liên kết đào tạo quốc tế												
- Ngành Kinh tế & Quản lý	46	46	46	46	35	0	0	2	14	11	0	19
- Ngành Kinh tế - Tài chính	36	30	27	27	24	0	0	2	4	15	0	6

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hải Yến

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Nguyễn Xuân Long

(tiếp theo)

B. Số nghiên cứu sinh (NCS) phân theo ngành và chuyên ngành đào tạo (bao gồm cả NCS người nước ngoài)

Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Mã số	Tổng số	Trong đó Nữ	Tổng số học viên chia theo năm đào tạo					Ghi chú
					Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4	Năm thứ 5	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Tổng số (I+II)			**66**	**58**	**10**	**30**	**9**	**11**	**5**	**1**
I. NCS (từ Thạc sĩ)			64	56	10	29	8	11	5	1
1 . Ngành tiếng Anh	Chuyên ngành Ngôn ngữ Anh	62220201	19	17	3	9	3	2	2	0
	Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh	62140111	13	12	1	9	0	2	1	0
2. Ngành tiếng Nga	Chuyên ngành Ngôn ngữ Nga	62220202	4	4	3	0	0	1	0	0
	Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Nga	62140111	2	1	1	0	1	0	0	0
3. Ngành tiếng Pháp	Chuyên ngành Ngôn ngữ Pháp	62220203	3	3	0	1	0	2	0	0
	Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Pháp	62140111	7	6	1	5	0	1	0	0
3. Ngành tiếng Trung	Chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	62220204	11	9	0	4	3	2	1	1
	Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Trung Quốc	62140111	5	4	1	1	1	1	1	0
II. NCS (từ Cử nhân)			**2**	**2**	**0**	**1**	**1**	**0**	**0**	0

1. Ngành tiếng Pháp	Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Pháp	62140111	2	2	0	1	1	0	0	0

Hà Nội ngày 27 tháng 11 năm 2017

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hải Yến

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Nguyễn Xuân Long

(tiếp theo)

C. Số học viên cao học phân theo ngành và chuyên ngành đào tạo (bao gồm cả học viên người nước ngoài)

Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Mã số	Tổng số	Trong đó Nữ	Tổng số học viên chia theo năm đào tạo			Ghi chú
					Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	
A	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	60220201	**98**	93	62	18	18	
2. Sư phạm Tiếng Anh	Lý luận và phương pháp dạy học (bộ môn tiếng Anh)	60140111	**203**	199	159	27	17	
3. Ngôn ngữ Nga	Ngôn ngữ Nga	60220202	**4**	2	1	1	2	
4. Sư phạm Tiếng Nga	Lý luận và phương pháp dạy học (bộ môn tiếng Nga)	60140111	**2**	1	1	0	1	
5. Ngôn ngữ Pháp	Ngôn ngữ Pháp	60220203	**6**	5	2	1	3	
6. Sư phạm Tiếng Pháp	Lý luận và phương pháp dạy học (bộ môn tiếng Pháp)	60140111	**3**	3	1	0	2	
7. Ngôn ngữ Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung Quốc	60220204	**21**	19	10	5	6	
8. Sư phạm Tiếng Trung Quốc	Lý luận và phương pháp dạy học (bộ môn tiếng Trung Quốc)	60140111	**18**	18	6	10	2	
9. Ngôn ngữ Nhật Bản	Ngôn ngữ Nhật Bản	60220209	**13**	13	4	4	5	
10. Ngôn ngữ Đức	Ngôn ngữ Đức		**24**	22	6	10	8	
Tổng số			**392**	**375**	**252**	**76**	**64**	

Hà Nội ngày 27 tháng 11 năm 2017

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hải Yến

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Nguyễn Xuân Long

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
Khóa QH2013 (2013-2017)

Ngành Ngôn ngữ Đức & Sư phạm Tiếng Đức

TT	Tên đề tài KLTN	Sinh viên thực hiện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung tóm tắt	Ghi chú
1	Räumliche Kognition im Deutschen und Vietnamesischen durch die Wiedergabe der deutschen lokalen Präpositionen in der Übersetzung des Romans Sungs Laden Tri nhận không gian trong tiếng Đức và tiếng Việt qua việc chuyển dịch giới từ chỉ địa điểm trong bản dịch cuốn tiểu thuyết Sungs Laden.	Nguyễn Thị Kim Oanh	ThS. Hoàng Thị Thanh Bình	Nghiên cứu các đặc điểm về mặt ngôn ngữ học (cấu trúc, ngữ pháp, ngữ nghĩa, cách dùng) của các giới từ chỉ địa điểm trong tiếng Đức Các phương án chuyển dịch của một số giới từ địa điểm trong tiếng Đức ở cuốn tiểu thuyết Sungs Laden Đưa ra kết luận khái quát về sự tri nhận không gian trong tiếng Đức và tiếng Việt qua cách dịch các giới từ địa điểm đó như người Việt có khuynh hướng chủ quan tính, còn người Đức thì khách quan hơn trong việc tri nhận không gian...	
2	Khả năng tra cứu của sinh viên trong dịch thuật Rechecherfähigkeit der vietnamesischen Studierenen beim Übersetzen	Chu Thị Hải Yến	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Phần Lý thuyết bài viết giới thiệu các loại công cụ tra cứu trong dịch thuật: các loại từ điển, văn bản đối chiếu, các văn bản corpus, Internet, bách khoa toàn thư... Phần thực tiễn bài viết khảo sát việc sử dụng các công cụ tra cứu của sinh viên trong dịch thuật, từ đó đánh giá và rút ra kết luận các công cụ tra cứu hữu ích nhất với sinh viên và đề xuất các lưu ý để dịch thuật đạt kết quả tốt nhất.	

TT	Tên đề tài KLTN	Sinh viên thực hiện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung tóm tắt	Ghi chú
3	Sáng tạo trong dịch văn học qua ví dụ dịch phẩm "Chỉ tại con chim bồ câu" (Kreativität in literarischen Übersetzungen am Beispiel der Übersetzung „Chỉ tại con chim bồ câu“)	Nguyễn Thị Hải Hà	ThS. Lê Thị Bích Thủy	Lấy sự sáng tạo trong các tác phẩm dịch làm trọng tâm, bài nghiên cứu nhằm làm rõ tầm quan trọng cũng như các biểu hiện của sáng tạo trong dịch văn hoc. Các quan điểm khoa học của Paul Kußmaul, đặc biệt là lý thuyết về bảy phương thức sáng tạo trong dịch thuật (Sieben Typen der Kreativität beim Übersetzung) được coi là xương sống xuyên suốt và định hướng cho phần thực nghiệm. Trong phần thực nghiệm, dịch phẩm „Chỉ tại con chim bồ câu“ được chọn làm đối tượng nghiên cứu. Dựa vào lý thuyết về bảy phương thức sáng tạo trong dịch thuật, ta xác định những từ ngữ, những câu hay thậm chí là đoạn văn mà được coi là sản phẩm của sự sáng tạo, phân tích những ví dụ điển hình để người đọc sẽ có thể hiểu hơn về vai trò và cách thức sáng tạo trong dịch thuật.	

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hải Yến

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Nguyễn Xuân Long

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
Khóa QH2013 (2013-2017)

Ngành: Ngôn ngữ Nhật & Sư phạm Tiếng Nhật

TT	Tên đề tài KLTN	Sinh viên thực hiện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung tóm tắt	Ghi chú
1	Trợ từ cách 「に、で」 trong tiếng Nhật trong tiếng Nhật khi biểu hiện vị trí, địa điểm	Lê Hoàng Giang	Đỗ Hoàng Ngân	Trợ từ cách 「に、で」 trong tiếng Nhật khi biểu hiện vị trí, địa điểm (Đối chiếu với những cách biểu hiện tương ứng trong tiếng Việt)	

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hải Yến

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Nguyễn Xuân Long

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
Khóa QH2013 (2013-2017)

Ngành: Ngôn ngữ Hàn Quốc

TT	Tên đề tài KLTN	Sinh viên thực hiện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung tóm tắt	Ghi chú
1	Đối chiếu trật tự từ trong câu tiếng Hàn và tiếng Việt	Trần Thị Tuyết	TS. Đỗ Phương Thùy		
2	So sánh thành ngữ gốc Hán trong tiếng Hàn và tiếng Việt (trọng tâm là thành ngữ bốn yếu tố)	Trần Thị Thảo Nguyên	TS.Lã Thị Thanh Mai		
3	Nghiên cứu hiện tượng nhiều nghĩa trong tiếng Hàn (có liên hệ với tiếng Việt)	Phan Thị Hương	TS. Hoàng Thị Yến		
4	Đặc trưng nông nghiệp trong tục ngữ tiếng Hàn (so sánh với tiếng Việt)	Trịnh Thanh Huyền	ThS. Đặng Ng.Thùy Dương		
5	Nghiên cứu tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố chỉ động vật (liên hệ với tiếng Việt)	Nguyễn Thùy Linh	ThS.Nguyễn Thùy Dương		

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hải Yến

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Nguyễn Xuân Long

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
Khóa QH2013 (2013-2017)

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc & Sư phạm Tiếng Trung Quốc

TT	Tên đề tài KLTN	Sinh viên thực hiện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung tóm tắt	Ghi chú
1	Phân tích cách dịch cụm từ chỉ tình cảm trong bản dịch tác phẩm Mẹ điên của Trang Hạ	Nguyễn Hải Anh	TS.Phạm Minh Tiến		Lý thuyết dịch
2	Điều tra tình hình sử dụng thư viện để tự học của sinh viên Khoa Trung	Đỗ Thị Thanh Lam	TS. Đinh Thị Hồng Thu		PPGD tiếng TQ
3	Trung Quốc quốc tế hóa đồng NDT và tác động đến Việt Nam	Nguyễn Quỳnh Hoa	TS. Đinh Văn Hậu		Đất nước học
4	从"吃父母"说起汉语表达的意合特点	Nguyễn Thị Thu Trang	PGS. TS Nguyễn Hoàng Anh		Ngôn ngữ học
5	Chính sách đối ngoại của nhà Thanh và sự ảnh hưởng đến quan hệ với các nước phương Tây sau này	Phan Hợp Tâm Anh	TS. Nguyễn Anh Thục		Đất nước học
6	Khảo sát việc sử dụng tranh ảnh vào giảng dạy tiếng TQ đối với sinh viên năm Nhất Khoa NN&VH Trung Quốc trường ĐHNN ĐHQG HN	Chu Ngọc Anh	TS. Võ Thị Minh Hà		PPGD tiếng TQ
7	Ảnh hưởng của sở thích cá nhân tới năng lực tự học	Phạm Thị Hương Liên	TS. Đinh Thị Hồng Thu		Giáo học pháp
8	Chiết tự chữ Hán và việc nâng cao năng lực Hán ngữ đối với sinh viên năm Nhất hoặc người bắt đầu học tiếng Hán.	Trần Thị Thu	TS. Nguyễn Đình Hiền		Ngôn ngữ học
9	Những ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ đối với việc học ngoại ngữ	Trần Thị Minh Châu	TS. Trần Thị Kim Loan		Giáo học pháp

TT	Tên đề tài KLTN	Sinh viên thực hiện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung tóm tắt	Ghi chú
10	Sự khác biệt trong đám cưới Trung Việt	Nguyễn Thị Ba	TS. Trịnh Thanh Hà		Giao tiếp Liên VH
11	《利于一年级大学生记住汉语知识的汉语测验》	Bùi Nguyễn Bảo Ly	TS. Trần Kim Loan		PPGD tiếng TQ
12	《越南人名怎么翻译成汉语？》	Nguyễn Thị Phương Mai	TS. Phạm Đức Trung		Lý thuyết dịch
13	《中国网报题目上缩略语的考察》	Nguyễn Thu Thủy	TS. Nguyễn Thị Lệ Quyên		Ngôn ngữ học

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hải Yến

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Nguyễn Xuân Long

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
Khóa QH2013 (2013-2017)

Ngành: Ngôn ngữ Pháp & Sư phạm Tiếng Pháp

TT	Tên đề tài KLTN	Sinh viên thực hiện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung tóm tắt	Ghi chú
1	Một vài suy nghĩ trong việc dịch các tác phẩm văn học	Nguyễn Minh Chi	Đinh Hồng Vân		
2	Đặc trưng văn hóa trong thành ngữ tục ngữ về thời tiết của Pháp đối chiếu với Việt Nanm	Hà Huyền Trang	Đinh Hồng Vân		
3	Những xung đột văn hóa của người Pháp ở Việt Nam	Phạm Quốc Toản	Đinh Hồng Vân		
4	Những xung đột văn hóa của du khách người Pháp ở Việt Nam	Ngô Thị Vân	Đàm Minh Thủy		
5	Đặc trưng văn hóa ảnh hưởng tới thực hành tiếng pháp của sinh viên năm thứ 4 khoa NN&VH Pháp	Nghiêm Thị Vân Anh	Đặng Kim Hoa		

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hải Yến

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Nguyễn Xuân Long

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Khóa QH2013 (2013-2017)

Ngàn Ngôn ngữ Nga & Sư phạm Tiếng Nga

TT	Tên đề tài KLTN	Sinh viên thực hiện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung tóm tắt	Ghi chú
1	Số từ tiếng Nga dưới cái nhìn của người Việt học tiếng Nga	Nguyễn Thị Thanh Hiếu	Vũ Thị Chín	Số từ được xem là một trong những vấn đề khó với nhiều người học tiếng Nga, bởi hình thức sử dụng phức tạp của nó. Số thứ tự được sử dụng để nói về chủ thể được đặt theo thứ tự hay vị trí số mấy, để cho dễ hiểu hơn chúng ta có thể xem số thứ thự có ý nghĩa như tính từ vì vậy nó cũng có giống, số, cách và trả lời cho câu hỏi Какой? Какая? Какое? Какие? Số từ bao gồm số từ chỉ số lượng nhất định và số từ chỉ số lượng không xác định. Số từ thứ tự trong tiếng Nga đóng vai trò như tính từ vì vậy cũng thay đổi theo giống, số, cách, như những tính từ khác. Lưu ý một số danh từ khi chuyển qua đối cách tùy thuộc vào nó là danh từ động vật hay bất động vật mà chúng ta có sự thay đổi. Ví dụ: Мы живём на седьмом этаже. (Chúng tôi sống ở tầng thứ 8). Số từ tập hợp trong tiếng nga không tìm được đơn vị tương đương trong tiếng việt. Đây là phần khó nhất với người học tiếng nga.	
2	"Chiến công" trong chuyện ngắn "Bà lão Idecghin" của nhà văn Nga Macxim Gorki và trong đời thực	Lại Thị Liên	Nguyễn Thị Cơ	«Bạn biết không, cuộc sống này luôn có chỗ cho những chiến công» - đây là câu nói của bà lão Idecghin trong tác phẩm cùng tên của nhà văn Macxim Gorki. Nhân vật Danko với những nét mạnh mẽ và dũng cảm đã lập lên chiến công – đó chính là sự tự hy sinh và tình yêu đối với bộ tộc của mình, đưa dân tộc đến với ánh sáng chân lý. Đây là nhân vật đã cống hiến trọn vẹn cho người khác. Nhà văn đã dùng những mỹ từ sau để mô tả chiến công: trái tim từ lồng ngực, "tỏa sáng rạng rỡ như ánh mặt trời, khu rừng im lặng, thắp sáng ngọn đuốc của tình yêu vĩ đại này cho người và phá vỡ bóng tối của thế giới con người ...." Danko - hình ảnh một người đàn ông có thể thắp sáng con đường từ đầm lầy ngột ngạt, để thực hiện kỳ công "... mà không yêu cầu bất cứ sự ghi nhận hay phần thưởng nào. Mặc dù vậy, Gorky với tất cả sự ngưỡng mộ nhân vật của mình, đã nâng Danko lên một tầm cao không thể với tới được. Không phải ngẫu nhiên là cốt truyện về huyền thoại Danko được đánh giá là tương đương với Kinh thánh.	

3	Chủ đề "Khát vọng tự do" trong các tác phẩm "Makar Chudra" và "Bà lão Idecghin" của Macxim Gorki	Hoàng Thanh Tùng	Nguyễn Thị Cơ	Trong cuộc sống này, tự do chứ không phải bất cứ điều gì khác, chính là thứ mà con người ta cần nhất, trân trọng nhất. Nó còn đáng quý hơn rất nhiều lần sự giàu sang, địa vị, tình yêu. Trước hết, Gorki cho rằng : Tự do là thứ quý giá nhất trong cuộc đời con người. Ông đề cao giá trị của tự do, xếp tự do lên trên cả tình yêu, trên cả sự sống. Quan niệm này đã thể hiện ý thức sâu sắc của Gorki về cuộc sống đích thực. Trong truyện ngắn " Maka Sudra" (1892), tác giả đã để cho nhân vật đứng trước sự lựa chọn giữa một bên là tình yêu đôi lứa và một bên là tình yêu tự do; một bên là sự sống và một bên là cái chết.Với các trang viết của mình, Gorki không chỉ kêu gọi vươn tới cuộc sống tự do. Với truyện ngắn " Bà lão Izecghin", Gorki đã giúp bạn đọc trả lời câu hỏi : sống tự do là sống như thế nào? Từ đó Gorki đã thể hiện quan niệm tự do của mình. Với ông, tự do không phải là sống cho riêng mình, cũng không phải là lãng phí cuộc đời mà sống tự do là sống bằng hành động phi thường , cao cả, vì mọi người và không đầu hàng cuộc sống nô lệ cho dù phải chết. Đây là một quan niệm rất tích cực.	

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hải Yến

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Nguyễn Xuân Long

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Khóa QH2013 (2013-2017)

Ngành: Sư phạm Tiếng Anh

TT	Tên đề tài KLTN	Sinh viên thực hiện		Giảng viên hướng dẫn	Nội dung tóm tắt	Ghi chú
1	Teacher's use of pre-writing activities in building schemas for university students majoring in English	Lê Thùy	Dương	Trần Thị Thanh Phúc		
2	Effectiveness of using pronunciation software in teaching pronunciation for EFL learners	Nguyễn Minh	Hằng	Nguyễn Huy Hoàng		
3	VSTEP Listening Test: Test-takers' of test's context validity and perceptions	Lê Thùy	Lân	Ngô Xuân Minh		
4	Benefits and challenges while doing the reading log as perceived by first - year students and their teachers: A study in the Fast track division FELTE, ULIS	Nguyễn Diệu	Linh	Lương Quỳnh Trang		
5	Challenges encountered by second year students in the Documentary project	Nguyễn Bích	Ngọc	Trần Thị Hiếu Thủy		
6	Thanh Hoa high school teachers' perceptions of collocation and collocation teaching	Lê Linh	Hương	Nguyễn Thu Hiền		
7	The quality of test questions in sample VN National High School English Examination 2017	Lê Hoàng Kim	Khuê	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh		
8	Effectiveness of indirect WCF as perceived by teachers and second year ULIS students	Đàm Mỹ	Linh	Hoàng Thị Hồng Hải		
9	Weaknesses of VSTEP - like argumentative essays written by 2nd-year mainstream students in FELTE, ULIS, VNU	Lê Diệu	Linh	Phùng Thị Kim Dung		

TT	Tên đề tài KLTN	Sinh viên thực hiện		Giảng viên hướng dẫn	Nội dung tóm tắt	Ghi chú
10	The application on "Blended Learning" in teaching English skills for 1st year English mảo students at FELTE, ULIS	Trần Thị Khánh	Linh	Nguyễn Tuấn Anh		
11	The effectiveness of care-based studies of ESP course in job performances: Graduates' perception	Trịnh Hồng	Linh	Cấn Thị Chang Duyên		
12	The use of songs in teaching English by teachers in primary schools in Hanoi	Vương Diệu	Linh	Phạm Thị Thanh Thủy		
13	The attitude of grade 11 students towards oral presentation at Kim Lien high school in Hanoi	Nguyễn Thương	Quỳnh	Nguyễn Chí Đức		
14	Idiom learning strategies ò English major students at ULIS	Trần Thị Anh	Thư	Nguyễn Huy Hoàng		
15	A study on the effects of group work organization on student interaction in 2nd speaking classes, Honor program	Nguyễn Mai Quỳnh	Trang	Lục Đình Quang		
16	Questioning strategies by teachers at preschool level and patterns ò student responses - the case of GrapSEED English Curriculum	Nguyễn Hải	Yến	Phạm Thanh Thủy (CLC)		
17	The application of Project-based learning as formative assessment in business comminication to 721 major students at FELTE, ULIS-VNU: Student's perspectives	Nguyễn Thị Mai	Hương	Cấn Thị Chang Duyên		
18	Teachers' use of tiered lesson as a differentiated instructional strategy. A multiple case study of three primary EFL classrooms	Phạm Phương	Anh	Trần Thị Thanh Nhàn		
19	A survey on teacher's use ò rewards in managing young learnners in English classes at Olympia Primary School, Hanoi	Lê Thành	Nhân	Phạm Thị Thanh Thủy		

TT	Tên đề tài KLTN	Sinh viên thực hiện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung tóm tắt	Ghi chú
Ngành: Ngôn ngữ Anh					
1	Assessing the Vietnamese-English translation in the section of "Vietnam - country and people" articles on the VNAT homepage	Trần Hoàng My	Trần Thị Minh		
2	Strategies in translating proper names from English into Vietnamese in fantasy literature: A case study in Book I of the "Game of Thrones" series	Nguyễn Hồng Linh	Trần Thị Minh		
3	Tourist's assessment on translation of object labels at Vietnam Women's Museum	Phạm Thu Trang	Nguyễn Thành Vân		
4	Third language translation strategies in subtitles from the perspectives of translators and audience: a case study on the skipped L3 in TV series Grimm (seasons 1)	Phạm Hồng Anh	Ngô Hà Thu		
5	Game translation and satisfaction of the players: A study on Vietnamses translation of Dota 2's Heroes' skill descriptions	Nguyễn Tất Đạt	Ngô Hà Thu		
6	Investigating subtitles translation of swear words in "Whiplash" - an audience reception sudy	Chu Thị Hương Giang	Ngô Hà Thu		
7	A study on metaphors in "The Catcher in the Rye" by J.D. Salinger via its Vietnamese version translated by Phung Khanh	Lê Diệu Linh	Vương Thị Thanh Nhàn		
8	Constrative analysis of woman beauty concepts in different cultures via Pantene Pro V commercials in different countries	Trần Lưu Ly	Hoàng Thị My		
9	Influences of translators' visibitity on reader's choice from Vietnamese online bookshops	Nguyễn Thu Nhàn	Vương Thị Thanh Nhàn		

TT	Tên đề tài KLTN	Sinh viên thực hiện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung tóm tắt	Ghi chú
10	Strategies applied in the English - Vietnamese translation ò poems in the poetry collection "Love and Misadventure" by Lang Leav	Nguyễn Hoàng Anh Phương	Nguyễn Thị Diệu Thúy		
11	Readers' preference on two translations of Kenneth Grahame's "Wind in the Willow"	Trịnh Thị Quế	Trần Thị Minh		
12	Translation quality of products for sales at Weasley's Wizard Wheezes in Harry Potter series by Ly Lan	Hoàng Thị Minh Thúy	Trần Thị Minh		
13	Strategies in translating cultural specific items in "Dumb Luck"	Dương My Trinh	Ngô Hà Thu		
14	A genre analysis of business emails in English between Far East Maritime Company Ltd, and foreign business partners	Nguyễn Đăng Phươn Anh	Nguyễn Thị Thanh Vân		

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hải Yến

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Nguyễn Xuân Long